

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 29 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24 tháng 04 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước";

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ thuộc thẩm quyền ban hành, thực hiện trên địa bàn tỉnh Kon Tum tại phụ lục kèm theo theo quyết định này.


Điều 2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành và các đơn vị có liên quan, căn cứ phương án đơn giản hóa chế độ báo cáo định kỳ được phê duyệt:

- Xây dựng Văn bản hướng dẫn, quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chậm nhất trong tháng 12 năm 2018.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện các phương án đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bảo đảm hoàn thành chậm nhất trong tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.


Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh;
- Các đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.



CHỦ TỊCH


Nguyễn Văn Hòa

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ
GIỮ NGUYÊN, BÃI BỎ, SỬA ĐỔI BỔ SUNG THUỘC
PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH KON TUM

*(Kèm theo Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2018
của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum)*

I. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ BÃI BỎ:

1. Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động triển khai các nghị quyết của Chính phủ, HĐND tỉnh về kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 theo Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh (số 11, khoản II, mục B của Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với báo cáo định kỳ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương (số 3, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh). Hiện đang triển khai theo Quyết định số 62/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ.

2. Báo cáo thực hiện Đề án cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tỉnh Kon Tum đến 2020 theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh (số 12, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với báo cáo định kỳ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (số 4, khoản II, mục B Quyết định 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

3. Báo cáo định kỳ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo Kế hoạch 879/KH-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh (số 36, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với báo cáo định kỳ (về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (số 4, khoản II, mục B Quyết định 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

4. Báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 648/KH-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh (số 40, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Trùng lặp báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 648/KH-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh (số 26, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

5. Báo cáo Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo theo Kế hoạch UBND tỉnh (số 46, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Trùng lặp báo cáo phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 648/KH-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh (số 26, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

6. Báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương (số 3, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ ngành Công Thương (số 4, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

7. Báo cáo định kỳ năm về công tác dân vận Kế hoạch số 1216/KH-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh (số 41, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ năm về công tác dân vận (số 31, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

8. Báo cáo hằng tháng về việc thực hiện Kết luận 1663-KL/TU ngày 24/4/2015 của BTV Tỉnh ủy (số 44, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ hằng tháng về việc thực hiện Kết luận 1663-KL/TU ngày 24/4/2015 của BTV Tỉnh ủy (số 32, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

9. Báo cáo năm về triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới đối với nữ CBCCVC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh (số 33, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ năm về triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới đối với nữ CBCCVC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 (số 24, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

10. Báo cáo công tác dân vận, định kỳ trước ngày 10/12 theo Công văn số 1276/UBND-KGVX ngày 13/6/2016 (số 20, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Nội dung báo cáo đã được thực hiện theo Mục III của Kế hoạch số 1216/KH-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

11. Báo cáo năm về kết quả thực hiện việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch 1650/KH-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh (số 28, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ năm về kết quả thực hiện việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chấn chỉnh hoạt động quảng cáo trên địa bàn tỉnh (số 15, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

12. Báo cáo định kỳ về một số nhiệm vụ do UBND tỉnh giao theo Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2018; Thông báo số 121/TB-UBND, ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh (số 27, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Nội dung báo cáo thuộc chương trình trọng tâm tháng 6/2017 các ngành đã thực hiện. Về Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2018 đã triển khai thực hiện tại văn bản số 2288/UBND-TH ngày 20/9/2018. Sau đó, chi tiết nội dung thực hiện báo cáo đã được quy định tại Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh về Quy chế quy định tạm thời về việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và đang được tiếp tục triển khai tại Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 26/02/2018 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

13. Báo cáo năm về triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới đối với nữ CBCCVC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 theo Kế hoạch số 213/KH-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh (số 45, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ năm về triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới đối với nữ CBCCVC tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 (số 24, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

14. Báo cáo 6 tháng, năm về tăng cường ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Chỉ thị 03/2011/CT-UBND ngày 13/5/2011 của UBND tỉnh (số 30, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tăng cường ứng dụng CNTT của cơ quan nhà nước (số 3, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

15. Báo cáo năm về triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg của Thủ tướng CP về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Kế hoạch số 2492/KH-UBND ngày 13/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum (số 43, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Trùng lặp với Báo cáo năm về triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg của Thủ tướng CP về việc ban hành Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Kon Tum (số 22, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

16. Báo cáo tháng định kỳ trước ngày 10, 20, 30 hàng tháng về tình hình giải ngân vốn theo Văn bản số 2357/UBND-KT ngày 31/8/2017 (số 25, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Không còn phù hợp thực tế, hiện nay đang thực hiện theo quy định tại Điều 2, Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 8/12/2017 của UBND tỉnh (Định kỳ trước ngày 22 hàng tháng báo cáo 01 lần); Trùng lặp với Báo cáo tháng định kỳ về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 70/NQ-CP của Chính phủ theo văn bản số 2357/UBND-KT ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh (số 2, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

17. Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về Báo cáo triển khai Chương trình số 29-CTr/TU của Tỉnh ủy theo Công văn số 95/UBND-KTTH ngày 15/01/2013 của UBND tỉnh Kon Tum (số 17, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Không còn phù hợp với tình hình thực tế và đã được thay thế, thực hiện theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

18. Báo cáo 6 tháng, năm về thực hiện Chỉ thị số 02/CT-BKHĐT ngày 06/9/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Văn bản số 2404/UBND-KT ngày 06/10/2016 của UBND tỉnh (số 24, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Có thể lấy thông tin từ nguồn khác như: Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết 19/2016/NQ-CP, Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ; Báo cáo về bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu; Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ KT-XH hàng tháng của các đơn vị.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ.

19. Báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng, báo cáo năm theo Công văn số 2288/UBND-TH ngày 20/9/2016; Công văn số 1978/CV-TKTra ngày 19/9/2017 (số 01, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

- Lý do: Đã được thay thế bằng Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 19/3/2018 của UBND tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

20. Báo cáo định kỳ ngày 05 tháng cuối quý tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại cơ quan, địa phương theo Công văn số 638/STP-KSTTHC ngày 28/10/2013 (số 4, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Không còn phù hợp với tình hình thực tế. Đã được thay thế bằng Công văn số 274/UBND-KSTT ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

21. Báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm về kết quả giải quyết TTHC theo Văn bản số 152/STP-KSTTHC ngày 11/5/2016 của Sở Tư pháp (số 15, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Không còn phù hợp với tình hình thực tế. Đã được thay thế bằng Công văn số 274/UBND-KSTT ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

22. Báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo năm về kết quả giải quyết TTHC theo Văn bản số 152/STP-KSTTHC ngày 11/3/2016 của Sở Tư pháp (số 01, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Không còn phù hợp với tình hình thực tế. Đã được thay thế bằng Công văn số 274/UBND-KSTT ngày 29/01/2018 của UBND tỉnh.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

23. Báo cáo công tác đảm bảo ATTP ngành theo Kế hoạch số 1755/KH-UBND ngày 7/7/2017 (số 34, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Lý do: Trùng lặp với Báo cáo hàng năm trước ngày 10/12 (số 11, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh).

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

24. Báo cáo về việc tham mưu xây dựng báo cáo định kỳ theo Công văn số 473/SLĐTĐBXH-VP ngày 8/4/2016 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội (số 3, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Không cần thiết cho mục tiêu quản lý và thực hiện định kỳ.

Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

25. Báo cáo quý, 6 tháng, năm về tình hình, kết quả giải quyết TTHC (số 1, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Đã được quy định cụ thể, thống nhất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

26. Báo cáo định kỳ về việc ban hành quy chế làm việc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo Quyết định số 744/QĐ-SLĐTBXH ngày 1/9/2016 (số 2 mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Không cần thiết cho mục tiêu quản lý và thực hiện định kỳ.

Kiến nghị thực thi: bãi bỏ

27. Báo cáo quý, 6 tháng, năm về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân (số 2, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Đã được quy định cụ thể, thống nhất thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

28. Báo cáo tình hình xử lý VPHC và theo dõi tình hình thi hành pháp luật, năm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 11/8/2015 của UBND tỉnh; Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND tỉnh (số 7, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Đã được quy định cụ thể, thống nhất thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

29. Báo cáo định kỳ hệ thống chi tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 177/QĐ-UBND ngày 26/02/2014 của UBND tỉnh (số 13, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Không thuộc phạm vi, nhiệm vụ rà soát, đơn giản hóa.

Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ

II. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:

1. Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về công tác triển khai thực hiện Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND tỉnh về ATTP (số 5, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Cắt giảm tần xuất báo cáo định kỳ 3 tháng, 9 tháng cụ thể như sau:

+ Tần xuất báo cáo: 2 lần/năm (6 tháng, năm)

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND tỉnh.

2. Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm theo Quyết định số 169/QĐ-UBND ngày 9/3/2017 và 3 tháng, 6 tháng, năm về Báo cáo công tác đảm bảo ATTP ngành theo Quyết định số 325/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 (số 5, khoản II, mục B và số 6, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Thực hiện lồng ghép vào báo cáo 6 tháng, năm về công tác về ATTP

- Lý do: Nội dung báo cáo tương đối giống nhau

- Kiến nghị thực thi: Lồng ghép báo cáo bằng một văn bản quy định chế độ báo cáo nêu trên theo quy định tại báo cáo số 1, mục II quyết định này.

3. Báo cáo năm trước ngày 10/12 về công tác đảm bảo ATTP theo Kế hoạch số 1755/KH-UBND ngày 5/7/2017 (số 13, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Gộp báo cáo năm nêu trên vào báo cáo quy định tại Quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và Quyết định số 62/2017/QĐ-UBND ngày 29/12/2017; sửa đổi thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm báo cáo cụ thể như sau:

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: Ngày 10 tháng 12 hàng năm

+ Thời điểm báo cáo: Ngày 15 tháng 12 hàng năm

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Lồng ghép báo cáo bằng một văn bản quy định chế độ báo cáo nêu trên theo quy định tại báo cáo số 1, mục II quyết định này.

4. Báo cáo định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, năm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 28/9/2016; Văn bản số 974/UBND-KTTH ngày 12/4/2017 (số 8, khoản I, mục B và số 22, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Thực hiện lồng ghép trong báo cáo kinh tế - xã hội định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng và năm của tỉnh cụ thể như sau:

+ Tần xuất báo cáo: 4 lần/năm

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Văn bản số 974/UBND-KTTH ngày 12/4/2017 theo hướng lồng ghép các văn bản quy định chế độ báo cáo nêu trên bằng một văn bản.

5. Báo cáo định kỳ hàng năm thực hiện đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh (số 9, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời gian báo cáo, tần xuất báo cáo cụ thể như sau:

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: ngày 31/12 hàng năm

+ Thời gian báo cáo: 15/1 năm sau

+ Tần xuất báo cáo: 1 lần/năm

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 991/KH-UBND ngày 13/4/2017 của UBND tỉnh.

6. Báo cáo định kỳ hàng năm về thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống mù lòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 theo Kế hoạch số 2600/KH-UBND ngày 25/9/2014 (số 16, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm báo cáo. Cụ thể:

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: ngày 30/12 hàng năm

+ Thời điểm báo cáo: 15/02 năm sau

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 2600/KH-UBND ngày 25/9/2017 bằng một văn bản quy định chế độ báo cáo.

7. Báo cáo 6 tháng, 01 năm về duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2017-2020 theo Kế hoạch số 2405/KH-UBND ngày 06/9/2017 (số 17, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tên báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, hình thức báo cáo, nội dung, tần xuất báo cáo. Cụ thể như sau:

+ Tên báo cáo: Báo cáo duy trì, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ giai đoạn 2017-2020

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: 30/11 hàng năm

+ Thời điểm gửi báo cáo: 20 tháng 12 hàng năm

+ Hình thức báo cáo: văn bản và qua mail

+ Nội dung báo cáo: Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

+ Đề cương báo cáo: Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ kèm theo biểu thống kê trên hệ thống thông tin quản lý dữ liệu PCGD, XMC của Bộ GD&ĐT.

+ Tần suất báo cáo: 1 lần/năm

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 2405/KH-UBND ngày 26/9/2017 bằng một văn bản quy định chế độ báo cáo

8. Báo cáo đánh giá chất lượng công tác thống kê trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh và báo cáo Đánh giá kết quả triển khai các nội dung chỉ đạo tại Quyết định số 643/QĐ-TTg ngày 11/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tăng cường quản lý nhà nước về chất lượng thống kê đến năm 2030 theo Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 18/7/2017 của UBND tỉnh (số 20, số 21, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Lồng ghép hai báo cáo này thành một báo cáo

theo nội dung, hình thức quy định để phù hợp với tình hình thực tế.

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh. Nội dung và phương thức thực hiện trong cùng một kế hoạch do UBND tỉnh ban hành.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 1886/KH-UBND ngày 18/07/2017 của UBND tỉnh.

9. Báo cáo năm về công tác dân vận theo Kế hoạch số 1216/KH-UBND ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh (số 31, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tên báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, đối tượng phải thực hiện báo cáo, tần suất báo cáo, gộp vào báo cáo khác cụ thể như sau:

+ Tên báo cáo: Báo cáo tổng kết năm về công tác dân vận.

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: 15/12 hàng năm.

+ Thời điểm gửi báo cáo: ngày 30/12 hàng năm.

+ Đối tượng phải thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

+ Tần suất báo cáo: 01 lần/năm.

+ Gộp vào các báo cáo khác: Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phối hợp giữa Ban Dân vận Tỉnh ủy với Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 1386/QĐ/TU ngày 17/6/2010 của Tỉnh ủy về việc ban hành quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; Báo cáo kết quả thực hiện Kết luận số 114- KL/TW ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp.

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 1216/KH-UBND ngày 9/5/2017 của UBND tỉnh.

10. Báo cáo 6 tháng, năm về việc thực hiện chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững theo Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 5/5/2017 (số 42, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Đề xuất cắt giảm báo cáo sơ kết 6 tháng

- Lý do: Phải có thời gian rà soát, tổng hợp, đánh giá, phân tích; số liệu phân tích phải được tổng hợp sau một năm ngân sách trên địa bàn toàn tỉnh mới đầy đủ thông tin để đánh giá, lập báo cáo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Kế hoạch số 1195/KH-UBND ngày 5/5/2017 của UBND tỉnh

11. Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo Văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng của Trung ương (số 47, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi chế độ báo cáo hiện hành, biểu mẫu số liệu; giảm tần suất báo cáo 01 lần/năm.

- Lý do: Biểu mẫu báo cáo chưa phù hợp vì số liệu về số lượng chiến sỹ thi đua cơ sở, lao động tiên tiến, giấy khen tại thời điểm báo cáo các đơn vị chưa tổng kết.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh theo Văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng của Trung ương

12. Báo cáo 6 tháng, năm về công tác thi đua khen thưởng theo Quyết định số 60/QĐ-KTĐKT ngày 11/5/2017 (số 12, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Lồng ghép với báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về tình hình thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo Văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng của Trung ương thành một báo cáo theo nội dung, hình thức quy định để phù hợp với tình hình thực tế.

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh. Nội dung và phương thức thực hiện trong cùng một Văn bản do UBND tỉnh ban hành.

- Kiến nghị thực thi: Bổ sung văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh theo Văn bản của Ban Thi đua - Khen thưởng của Trung ương (Gộp chung với báo cáo số 12, mục II phụ lục tại Quyết định này)

13. Báo cáo định kỳ tháng, quý, năm về công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí và rà soát, kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động của các cơ quan đại diện (CQDD), phóng viên thường trú (PVTT) của các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 3215/KGVX-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh (số 8, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tên báo cáo, thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, hình thức báo cáo, nội dung báo cáo, đề cương báo cáo, tần xuất báo cáo cụ thể như sau:

+ Tên báo cáo: Báo cáo hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh năm....

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: ngày 30/11 hàng năm.

+ Thời điểm gửi báo cáo: ngày 20 tháng 12 hàng năm.

+ Hình thức báo cáo: văn bản và qua mail

+ Nội dung báo cáo: hoạt động của các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh

+ Đề cương báo cáo: Tình hình nhân sự của VPDD, Phóng viên thường trú; Tình hình hoạt động của VPDD, Phóng viên thường trú; Những vướng mắc, khó khăn; Hướng khắc phục.

+ Tần suất báo cáo: 1 lần/năm

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi hoặc thay thế Văn bản số 3215/KGVX-UBND ngày 12/12/2014 của UBND tỉnh.

14. Báo cáo hệ thống thông tin cơ sở tại địa phương theo Công văn số 1249/UBND-VX ngày 12/5/2017 (số 9, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi thời điểm chốt số liệu báo cáo, thời điểm gửi báo cáo, tần suất báo cáo cụ thể như sau:

+ Tần suất báo cáo: 12 lần/năm

+ Thời điểm chốt số liệu báo cáo: Ngày 20 hàng tháng

+ Thời điểm gửi báo cáo: Ngày 25 hàng tháng

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Công văn số 1249/UBND-VX ngày 12/5/2017 của UBND tỉnh

15. Báo cáo phiên họp thường kỳ trước ngày 20 hàng tháng theo văn bản số 974/UBND-KTTH ngày 12/4/2017 (số 22, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Lồng ghép vào báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh (số 8, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh).

- Lý do: Nội dung, hình thức giống nhau.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Văn bản số 974/UBND-KTTH ngày 12/4/2017

16. Báo cáo tháng định kỳ hàng tháng về tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo Nghị quyết số 70/NQ-CP của Chính phủ theo văn bản số 2357/UBND-KT ngày 31/8/2017 của UBND tỉnh (số 2, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa:

+ Bổ sung báo cáo qua phần mềm điện tử.

+ Tần suất báo cáo: 12 lần/năm.

- Lý do: Quy định cụ thể hơn để có báo cáo chính xác, hoàn chỉnh

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Văn bản số 2357/UBND-KT ngày 31/8/2017

17. Báo cáo định kỳ kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP (số 5, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Đề xuất lồng ghép vào báo cáo định kỳ ngành Công thương thực hiện theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh (số 04, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình của địa phương

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Công văn phối hợp báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư

18. Báo cáo trả lời kiến nghị cử tri trước kỳ họp thứ 4 HĐND tỉnh khóa XI và sau kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV theo văn bản số 1975/UBND-TH ngày 27/7/2017 của UBND tỉnh (số 23, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Phương án đơn giản hóa: Sửa đổi tên báo cáo cụ thể như sau: “Báo cáo trả lời kiến nghị cử tri trước và sau kỳ họp của HĐND tỉnh”

- Lý do: Đảm bảo theo quy định, phù hợp thực tế.

- Kiến nghị thực thi: Thay thế bằng Công văn quy định khác phù hợp tình hình thực tế.

III. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN:

1. Báo cáo định kỳ về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước (số 3, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, nắm bắt tình hình ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó để ban hành các văn bản chỉ đạo, định hướng cụ thể, bám sát tình hình thực tế của địa phương.

2. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ ngành Công thương (số 4, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

3. Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về công tác đảm bảo ATTP theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 (số 6, khoản I, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

4. Báo cáo về theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum theo Điều 10 của Quyết định số 237/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 09/5/2016 (số 1, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

5. Báo cáo đánh giá chấm điểm cải cách hành chính hàng năm theo Quyết định 439/QĐ-UBND ngày 25/5/2017 (số 2, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

6. Báo cáo định kỳ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) theo Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh; Kế hoạch 879/KH-UBND ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh. (số 4, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

7. Báo cáo quý, báo cáo năm về tiến độ thực hiện, tình hình giải ngân vốn dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Kon Tum sử dụng vốn ngân sách

trung ương, giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 21/10/2014; Quyết định số 1088/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh (số 7, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

8. Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về kết quả thực hiện tiêu chí số 4 về điện nông thôn theo Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 5/6/2017 (số 8, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

9. Báo cáo năm về kết quả triển khai Kế hoạch thực hiện chiến lược sản xuất sạch hơn theo Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 24/10/2013 (số 9, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

10. Báo cáo 6 tháng, năm về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 12/05/2017 (số 14, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

11. Báo cáo hàng năm về chương trình sửa học đường cải thiện tình trạng dinh dưỡng, góp phần nâng cao tầm vóc trẻ em mẫu giáo, tiểu học trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 theo Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 (số 15, khoản II, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

12. Báo cáo 6 tháng, năm về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn theo Chương trình 1169/CTr-UBND ngày 17/6/2013 (số 1, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

13. Báo cáo năm về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao theo Chương trình 2490/CTr-UBND ngày 1/10/2014 (số 2, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

14. Báo cáo 6 tháng, năm về tình hình kết quả triển khai thực hiện chương trình phòng, chống mại dâm theo Kế hoạch số 1140/KH-UBND ngày 31/5/2016 (số 3, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

15. Báo cáo 6 tháng, năm về tình hình, kết quả triển khai đề án đổi mới công tác cai nghiện ma túy theo Kế hoạch số 1062/KH-UBND ngày 28/5/2015 (số 4, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

16. Báo cáo 6 tháng, năm về tình hình, kết quả triển khai thực hiện chương trình hành động vì trẻ em theo Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 27/4/2017 (số 5, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

17. Báo cáo 6 tháng, năm về công tác xuất khẩu lao động theo Kế hoạch số 2129/KH-UBND ngày 7/9/2016 (số 6, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

18. Báo cáo về tình hình, kết quả triển khai thực hiện chương trình quốc gia về bình đẳng giới theo Kế hoạch số 738/KH-UBND ngày 13/4/2016 (số 7, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

19. Báo cáo về tình hình, kết quả chương trình quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động theo Kế hoạch số 2719/KH-UBND ngày 30/11/2016 (số 8, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

20. Báo cáo hàng năm về triển khai thực hiện chương trình bơi an toàn phòng, chống đuối nước cho trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020 theo Kế hoạch số 961/KH-UBND ngày 13/5/2017 (số 10, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

21. Báo cáo định kỳ hàng năm về thực hiện chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1184/KH-UBND ngày 4/5/2017 (số 11, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

22. Báo cáo định kỳ hàng năm về thực hiện đề án tăng cường năng lực quản lý và thực thi có hiệu quả pháp luật bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1183/KH-UBND ngày 4/5/2017 (số 12, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

23. Báo cáo hàng năm trước ngày 15/12 về thực hiện đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1477/KH-UBND ngày 4/5/2017 (số 14, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

24. Báo cáo định kỳ hàng năm trước ngày 20/11 về thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 9/5/2017 theo Kế hoạch số 1650/KH-UBND ngày 4/5/2017 (số

15, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

25. Thực hiện Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình số 67-CTr/TU ngày 29-4-2014 của BCH đảng bộ tỉnh khóa XIV thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04-11-2013 của BCH TƯ Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (số 18, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, qua đó nắm rõ tình hình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế của tỉnh.

26. Báo cáo triển khai chương trình hành động thực hiện chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 2426/KH-UBND ngày 7/9/2017 (số 19, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

27. Báo cáo hàng năm trước ngày 15/12 về triển khai Quyết định số 2053/QĐ-TTg 18/10/2016 theo Kế hoạch số 2492/KH-UBND ngày 13/9/2017 (số 22, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

28. Báo cáo định kỳ hàng năm theo Kế hoạch số 2903/KH-UBND ngày 27/10/2017 (số 23, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

29. Báo cáo triển khai thực hiện công tác bình đẳng giới đối với nữ CBCCVV tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020 (số 24, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định và để các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm giảm các khoảng cách về bình đẳng giới trong mọi lĩnh vực.

30. Báo cáo năm về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường theo Kế hoạch số 404/KH-UBND ngày 21/2/2017 (số 25, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

31. Báo cáo 6 tháng, năm phổ biến giáo dục pháp luật theo Kế hoạch số 648/KH-UBND ngày 13/3/2017 của UBND tỉnh (số 26, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

32. Báo cáo hàng tháng về thực hiện Kết luận số 1663-KL/TU ngày 24/4/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Kế hoạch số 3015/KH-UBND ngày 18/12/2015 (số 32, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

33. Báo cáo năm về thực hiện Chỉ thị 47/CT-TW tại Sở Công thương theo Kế hoạch số 3033/KH-UBND ngày 22/12/2015 (số 35, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

34. Báo cáo quý, báo cáo năm thực hiện Nghị Quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển DN đến 2020 theo Chương trình hành động số 1828/CTr-UBND ngày 08/8/2016 của UBND tỉnh (số 37, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

35. Báo cáo tháng về công tác quản lý xây dựng, quản lý hoạt động khai thác lâm sản, khoáng sản, quản lý hành lang an toàn đường bộ theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 30/3/2015; Công văn số 1477/UBND-KTN ngày 14/7/2015 (số 38, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

36. Báo cáo kết quả cơ cấu lại, thoái vốn, CPH doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 707/QĐ-TTg ngày 25/5/2017 tại Văn bản số 1496/UBND-KT ngày 12/6/2017 (số 4, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

37. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc tỉnh theo Văn bản số 1489/VP-KT ngày 25/7/2017 (số 5, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

38. Báo cáo năm về phối hợp tháo gỡ khó khăn cho người dân, doanh nghiệp nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn ngân hàng theo Công văn số 2082/UBND-KT ngày 2/8/2017 (số 6, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

39. Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thỏa thuận hợp tác chiến lược về Viễn thông – Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020, giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh (số 10, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, giúp Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh nắm bắt được tình hình hợp tác chiến lược giữa

02 đơn vị, qua đó có những quyết sách thích hợp nhằm phục vụ việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

40. Báo cáo công tác thanh tra; phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh theo Công văn số 1930/UBND-NC ngày 05/9/2013 (số 11, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

41. Báo cáo định kỳ về công tác Nội chính theo Văn bản số 453/UBND-NC ngày 03/09/2013 (số 12, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

42. Báo cáo định kỳ về công tác cải cách hành chính theo Công văn số 976/UBND-KSTTHC ngày 12/6/2012 (số 14, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

43. Báo cáo về việc tiếp tục triển khai thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với CBCCVN công tác tại các vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 169/UBND-KT ngày 20/1/2017 (số 15, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

44. Báo cáo định kỳ ngày 25 hàng tháng về rà soát, chấn chỉnh việc thực hiện TTHC về đất đai theo Công văn số 930/UBND-NNTN ngày 10/5/2016 (số 18, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

45. Báo cáo định kỳ trước ngày 15/6 và 15/12 hàng năm về việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Công văn số 2740/UBND-KGVX ngày 4/11/2016 (số 19, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, đánh giá việc tổ chức, triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh trên địa bàn tỉnh.

46. Báo cáo định kỳ theo Công văn số 2786/UBND-TH ngày 16/10/2017 (số 21, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

47. Báo cáo công tác trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh theo Văn bản số 1009/UBND-HTKT ngày 14/4/2017 (số 26, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

48. Báo cáo tháng về công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, đấu tranh chống buôn lậu xăng dầu trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 1845/KH-UBND ngày

14/7/2017 (số 29, khoản III, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

49. Báo cáo kết quả thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, thực hiện theo văn bản số 2344/UBND-KT ngày 31/8/2017 (số 3, khoản IV, mục B tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 21/12/2017 của UBND tỉnh)

- Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định.

50. Báo cáo định kỳ hàng năm về rà soát các chỉ số thành phần CPI của tỉnh (số 6, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

51. Báo cáo sơ kết đánh giá giai đoạn 3 năm, 5 năm, 10 năm về xây dựng và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của ngành công thương (số 7, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

52. Báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động của HTX trong lĩnh vực của ngành công thương (số 8, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

53. Báo cáo thực hiện đề án quản lý hành chính công theo Văn bản số 201/BC-SNV ngày 27/4/2017 (số 9, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

54. Báo cáo 6 tháng, năm về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở theo Văn bản số 1466/SNV-XDCQ&CTTN ngày 17/8/2017 (số 10, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

55. Báo cáo về việc theo dõi thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ công tác VT-LT, tài liệu lưu trữ theo Văn bản số 261/SNV-CTVTLT ngày 20/2/2017 (số 11, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

56. Báo cáo 6 tháng, năm về việc tổng kết thi hành luật xử lý vi phạm hành chính theo Công văn số 382/STP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 12/5/2017 (số 13, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

57. Báo cáo định kỳ về thực hiện đề án tuyên truyền chính sách, pháp luật kết hợp KT với QP, AN đến năm 2020 theo Kế hoạch số 801/KH-STTTT ngày 9/8/2017 (số 14, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

58. Báo cáo định kỳ trước ngày 15 hàng tháng về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo theo Văn bản số 22/CV-TD ngày 6/3/2017 (số 16, mục C tại Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh)

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

59. Báo cáo định kỳ hàng năm tình hình thực hiện quy định về thời hạn giải quyết các thủ tục thỏa thuận vị trí cột/trạm điện và hành lang lưới điện, cấp phép thi công công trình điện đối với lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Quyết định số 53/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

60. Báo cáo định kỳ về việc tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 54/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

61. Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án tổ chức, xây dựng, huấn luyện, hoạt động và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2017 – 2020 theo Quyết định 59/2016/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

62. Báo cáo tình hình thực hiện Đề án tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định 02/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

63. Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế phối hợp làm việc giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan để thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo Quyết định 04/2017/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

64. Định kỳ hàng năm báo cáo tình hình hoạt động bán hàng đa cấp trên địa bàn theo Quyết định 14/2017/QĐ-UBND ngày 21/3/2017 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

65. Báo cáo kết quả công tác đấu tranh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả theo Quyết định 18/2017/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

66. Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú, hoạt động của người nước ngoài tại tỉnh Kon Tum theo Quyết định 30/2017/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

67. Báo cáo nguồn kinh phí được phân bổ, tình hình và kết quả xử lý, khắc phục hậu quả thiên tai theo Quyết định 36/2017/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

68. Báo cáo đánh giá quá trình triển khai rút kinh nghiệm hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện Đề án phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Quyết định 46/2017/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của UBND tỉnh

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

69. Báo cáo về tình hình cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên phạm vi toàn tỉnh định kỳ 06 tháng, 01 năm theo Quyết định 01/2016/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

70. Báo cáo định kỳ về tình hình an toàn, an ninh thông tin mạng theo Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

71. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả tổ chức bình chọn; kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 27/2016/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

72. Báo cáo tình hình thi đua, khen thưởng của khối thi đua 6 tháng, hàng năm theo Quyết định 22/2015/QĐ-UBND ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

73. Báo cáo tình hình thực hiện Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Kon Tum theo Quyết định 20/2014/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

74. Báo cáo tình hình triển khai đầu tư xây dựng và kinh doanh các dự án bất động sản trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 01/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

75. Báo cáo định kỳ tình hình cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trong phạm vi quản lý theo Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 12/02/2018 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

76. Báo cáo kết quả thực hiện công tác phối hợp liên ngành về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Quyết định 32/2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

77. Báo cáo về tình hình triển khai thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội theo định kỳ 03 tháng.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

78. Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Kon Tum theo Quyết định 48/2017/QĐ-UBND ngày 27/9/2017 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

79. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo Quyết định 57/2015/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

80. Báo cáo về kết quả hỗ trợ từ khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của cơ sở trên địa bàn tỉnh Quyết định 27/2016/QĐ-UBND ngày 22/6/2016 của UBND tỉnh.

Lý do: Cần thiết cho công tác quản lý, phù hợp quy định

Kết luận: Theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 24/04/2017, giao chỉ tiêu cho các Bộ ngành, địa phương phải đạt mục tiêu rà soát, cắt giảm được 20% tổng số lượng các báo cáo thuộc thẩm quyền quy định. Kết quả UBND tỉnh Kon Tum đã rà soát cắt giảm, đơn giản hóa được 47/127 báo cáo chiếm tỷ lệ 37%. Như vậy tỉnh Kon Tum đã thực hiện hoàn thành chỉ tiêu của "Đề án đơn giản hóa chế độ báo cáo trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước" theo đúng phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và sự hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ./.

